

Hàm ý và phương thức biểu thị hàm ý : Luận văn ThS / Nguyễn
Thị Tố Ninh ; Nghd. : Nguyễn Minh Thuyết . - H. :
ĐHKHXHNV, 2002 . - 96 tr.

HÀM Ý VÀ PHƯƠNG THỨC BIỂU THỊ HÀM Ý

Mở đầu.

01. Đối tượng nghiên cứu và lí do chọn đề tài.
02. Mục đích nghiên cứu.
03. Phạm vi và nhiệm vụ nghiên cứu.
04. Phương pháp nghiên cứu và nguồn tư liệu.
05. Giới thiệu bố cục luận văn.

Chương 1. LỊCH SỬ VẤN ĐỀ.

- 1.1. Vấn đề khái niệm hàm ý.
- 1.2. Vấn đề phương thức biểu thị hàm ý.
- 1.3. Vấn đề tiêu chí xác định hàm ý.
- 1.4. Vấn đề phân loại hàm ý.

Chương 2. NHẬN DIỆN HÀM Ý.

- 2.1. Điều kiện để sử dụng phát ngôn có hàm ý trong giao tiếp.
- 2.2. Khái niệm hàm ý.
- 2.3. Phân biệt hàm ý của phát ngôn với các ý nghĩa ngầm ẩn khác.
- 2.4. Các loại hàm ý.

Chương 3. PHƯƠNG THỨC BIỂU THỊ HÀM Ý.

- 3.1. Khái niệm “phương thức biểu thị hàm ý”.
- 3.2. Điểm lại danh sách các phương thức biểu thị hàm ý.
- 3.3. Thử đề xuất một danh sách các phương thức biểu thị hàm ý

Kết luận.

Chương 2. NHẬN DIỆN HÀM Ý

2.1.Điều kiện để sử dụng phát ngôn có hàm ý trong giao tiếp.

2.2.Khái niệm hàm ý.

2.3.Phân biệt hàm ý của phát ngôn với các ý nghĩa ngầm ẩn khác.

2.3.1.Hàm ý và TGD của phát ngôn.

2.3.2.Hàm ý và nghĩa chuyển của từ.

2.3.3.Hàm ý và nội dung ngầm ẩn của các phát ngôn có sử dụng phương tiện và biện pháp tu từ. .

2.3.4.Hàm ý và nội dung đồng nghĩa của phát ngôn.

2.3.5.Hàm ý và nội dung của hành vi tại lời gián tiếp.

2.3.6.Hàm ý của phát ngôn với đích của nghi thức lời nói.

2.3.7.Hàm ý của phát ngôn với ý nghĩa tác phẩm .

2.4.Các loại hàm ý.

2.4.1.Hàm ý của từ.

2.4.2.Hàm ý của một chi tiết nghệ thuật.

Chương 3. PHƯƠNG THỨC BIỂU THỊ HÀM Ý

3.1. Khái niệm “ phương thức biểu thị hàm ý”

3.2. Điểm lại danh sách các phương thức biểu thị hàm ý.

3.2.1. Phương thức biểu thị hàm ý khái quát (*generalized implicature*).

a. Sử dụng các tín hiệu ngôn ngữ mang tính qui ước.

- a.1. Sử dụng các từ “làm ơn”/”hộ”.
- a.2. Sử dụng từ “even”(thậm chí) trong câu miêu tả.
- a.3. Sử dụng liên từ “and” (và) nối kết giữa hai vị từ biểu thị trạng thái “tĩnh”.
- a.4. Sử dụng liên từ “and” (và) nối kết giữa hai vị từ biểu thị trạng thái ”động”
- a.5. Sử dụng từ tình thái.
- a.6. Sử dụng kiểu cấu trúc so sánh.
- a.7. Sử dụng kiểu cấu trúc “A nhưng B”.
- a.8. Sử dụng kiểu cấu trúc “A còn V hướng gì B” và “A còn V nữa là “.
- a.9. Sử dụng kiểu cấu trúc”P, trừ phi Q “
- a.10. Sử dụng kiểu cấu trúc câu nhân – quả theo cơ chế xác định.
- a.11. Sử dụng phát ngôn có sự kết hợp ngôn từ không bình thường.
- a.12. Thay đổi vị trí các từ trong câu.
- a.13. Tạo sự liên kết giữa các từ cùng đứng đầu(hoặc cùng đứng cuối) câu trong chuỗi phát ngôn.

b. Dựa vào khả năng mở rộng ý nghĩa của người nghe để lựa chọn thông tin đưa vào phát ngôn.

- b.1. Dùng đoạn ngữ đi kèm với một quán từ bất định (a/an).
- b.2. Dựa vào thang độ để tạo lập phát ngôn.
- b.3. Xây dựng lập luận không đầy đủ, không có sự tham gia của các tác tử lập luận.
- b.4. Sử dụng cấu trúc câu trùng ngôn.

3.2.2. Phương thức biểu thị hàm ý hội thoại đặc thù (*Paticular implicature*)

- a. Sử dụng phát ngôn” P, trừ phi Q “ trong một số hoàn cảnh cụ thể.
- b. Sử dụng TGD.
- c. Tạo phát ngôn có nghĩa đối lập với phát ngôn trao trong một ngữ cảnh cụ thể.
- d. Suy luận.
- e. Cố tình vi phạm quy tắc chiếu vật chỉ xuất.
- g. Sử dụng các hành vi ngôn ngữ gián tiếp.
- h. Cố tình vi phạm các quy tắc hội thoại.

3.3. Thử đề xuất một danh sách các phương thức biểu thị hàm ý

3.3.1. Sử dụng một số biện pháp tu từ

a. Dùng từ gần âm

Ví dụ:

(Ông Sự - Phó trưởng Ty Giáo dục - vốn có tật nói ngọng "l" và "n" . Là một cán bộ suy đồi về đạo đức nhưng ông lại hay lên mặt với những người trí thức, coi "kẻ" có học đều là Việt gian, gián điệp. Thầy Khiển - Hiệu trưởng trường trung học của xã cũng không nằm ngoài danh sách bị tình nghi đó(...) Sau buổi dự giờ dạy của thầy Khiển, ông Sự "nhìn chềnh chềnh vào mắt" thầy Khiển và nhếch mép, kể cả: "Thế mới biết nằm ông thầy nà khó nắm!". Sau câu đáp đầy "chất" mỉa mai của thầy Khiển, ông Sự trợn mắt:

Ông Sự (B₁): - Khó nà ở chỗ nào, ông giáo có biết không?

Thầy Khiển (A₁): - Dạ, ở chỗ phải tri kỷ tri bỉ. Tức là phải tự biết cái kém cỏi, bỉ tiện của mình.

Ông Sự (B₂): - Phải giỏi chính sách! Chính sách! Hiểu chưa?).

Thầy Khiển (A₂): - Vâng, phải giỏi chính sách và... *chính tả* nữa ạ.

(*Ma Văn Kháng, "Thầy Khiển"*).

(Hàm ý của phát ngôn A₂: Ông chưa đủ tư cách làm thầy).

b. Nói lái.

Ví dụ:

Các bài thơ “Chùa Quán Sứ”, “Kiếp tu hành” của Hồ Xuân Hương

c. So sánh

Ví dụ:

(Thấy bạn đang đánh con, A nói :)

A:-Thôi, " trẻ em như búp trên cành" mà!

(Nghe bạn tâm sự về sự" đầu tư" cho con cái trong năm học mới, A nói:)

A:- "Trẻ em như búp trên cành" mà!

3.3.2. Nói bóng

Ví dụ:

Nhà em cách bốn quả đồi

Cách ba ngọn suối, cách đôi cánh rừng

Nhà em xa cách quá chừng

Em van anh đấy, anh đừng thương em.

3.3.3. Tạo giá trị thông báo cho T GD

Ví dụ:

(Gặp A đang ngồi với người yêu trong quán nước, B lấy thuốc lá mời A, A từ chối. B nói:).

B₁: - Cậu *bỏ thuốc* từ bao giờ thế?

hoặc: B₂:- Cậu *bỏ thuốc* lá rồi à?

3.3.4. Cố tình vi phạm các nguyên tắc giao tiếp

a. Tạo những phát ngôn mơ hồ

Ví dụ:

Truyện ngắn "Thầy Khiển" của Ma Văn Kháng.

(Ông Sự - người mới được đề bạt Phó trưởng Ty Giáo dục - vốn có tật nói ngọng "l" và "n", thêm vào đó, ông còn có tật xấu hay sờ soạng nữ nhân viên trong cơ quan nên ông "được" đặt tục danh là "Sự sờ nặng". Là cán bộ kém cỏi về học thức, suy đồi về đạo đức nhưng ông Sự lại hay lên mặt với những người tản cư, "dị ứng" với người trí thức, coi mọi "kẻ" có học đều là Việt gian, gián điệp. Thầy Khiển - giáo viên, kiêm Hiệu trưởng trường trung học của xã, cũng không nằm ngoài "danh sách" bị tình nghi là gián điệp, dù dưới con mắt của mọi người dân, thầy là người tài năng và tốt bụng.

Trong lần đoàn cán bộ của Ty Giáo dục do ông Sự dẫn đầu vào dự giờ, thầy Khiển đã vận dụng triệt để "tính ưu việt" của hoàn cảnh để "trả mối hận xưa nay" đối với ông Sự, thông qua các phát ngôn mang tính chất mơ hồ về sự quy chiếu được thầy sử dụng một cách hợp lý trong giờ giảng của mình. Thầy giảng bài thật "khúc triết, văn hoa" nhưng thỉnh thoảng lại làm như vô tình hát hàm về phía ông Sự và hai ông trong Ty Giáo dục, hỏi một cách trịch thượng:

- Có hiểu thật không mà sao lăm lỳ thế, *các cậu?*

(Trong giờ hoá học, thầy nói toàn tiếng Nghệ An. Kết thúc giờ dạy, thầy nói:)

- Tiếng Nghệ cũng hay lắm chứ, ở đời, đừng có bao giờ nghĩ chỉ có mình là hay, là đẹp, *các em à!*

b. Tạo những phát ngôn bằng quơ

Ví dụ:

(Khi người vợ có thai được 2 tháng, những cơn ốm nghén hành hạ cô đến mức đối với cô, những việc nhẹ nhàng cũng trở nên quá sức. Chồng cô lại lo làm ăn suốt ngày nên không thể giúp đỡ cô trong công việc gia đình. Thấy cô như vậy, mẹ chồng khó chịu ra mặt. Bà nói bằng quơ:)

- Đến phải thuê người làm .

(*Trần Văn Thước, "Một năm làm vợ"*)

c. Tạo khung thời gian để hạn định nội dung mệnh đề

Ví dụ:

(Viên phó thuyền trưởng của một chiếc tàu viễn dương nọ có thói nát rượu. Một hôm, ông thuyền trưởng phải ghi vào nhật ký của tàu: "Hôm nay phó thuyền trưởng lại say rượu". Hôm sau, đến phiên trực của mình, viên phó thuyền trưởng đọc thấy câu này trong nhật ký của tàu, giận lắm, liền viết vào trang tiếp theo:)

- Hôm nay thuyền trưởng không say rượu.

d. Một số phương thức khác

3.3.5. Sử dụng cử chỉ kèm lời (phát ngôn)

Ví dụ:

(Phượng: - Năm Quý Hợi chắc anh viết về con lợn?

Luận: - Còn rộng hơn nữa. Về vũ trụ, thời tiết, mặt trời (...)).

Phượng (Nguýt yêu chồng): Tham thế!

(*Ma Văn Kháng, "Mùa lá rụng trong vườn"*).